

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 3 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Biện Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp KH, xã QPh, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh B1, sinh năm 1976; cư trú tại: KH, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Thanh B1 chung sống vào ngày 14/8/2002, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau, anh B1 hay uống rượu và dùng lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị B, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân ba năm nay. Nay chị B yêu cầu được ly hôn anh B1.

- *Về con chung:* Trần Gia B2, sinh ngày 22/3/2002 và Trần Chí B2, sinh ngày 18/3/2012 đang do chị B nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi Chí B2, giao Gia B2 cho anh B1 nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- *Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại:* Không có.

*\* Đối với bị đơn anh Trần Thanh B1:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt, anh Trần Thanh B1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Thanh B1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Chị B có yêu cầu ly hôn, anh B1 không có ý kiến. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy, đối với Gia B2 quá trình giải quyết vụ án chị B có yêu cầu giao cho anh B1 nuôi dưỡng, ngày 24/02/2021 Tòa án có ghi ý kiến của Gia B2 có nguyện vọng xin được ở với cha là Trần Thanh B1. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm xét xử vụ án cháu Gia B2 đã thành niên, chị B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng Gia B2 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc nuôi Gia B2. Đối với Chị B2 hiện tại do chị B nuôi dưỡng đã ổn định, anh B1 cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị B. Mặt khác, cháu Chị B2 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị B là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao cháu Chị B2 cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng chị B không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại: Chị B xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B, cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Trần Thanh B1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Chí B2 (nam), sinh ngày 18/3/2012 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Trần Thanh B1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0011753 ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THA dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Biện Thị Nhung**



